

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ GPMB
DỰ ÁN: ĐƯỜNG HOÀNG SA- DỐC SỎI, (ĐOẠN QUA BÌNH TÂN PHÚ (CŨ)- ĐỢT 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Chủ tịch UBND xã Đông Sơn)

Họ và tên: **hộ ông Thới Định**

Địa chỉ: xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

CCCD số: 051181010409

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/ Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
A	ĐẤT ĐAI (I+II)								257.409.000	Đất khai hoang năm 1999
I	Bồi thường đất nông nghiệp								57.202.000	
1	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	15	1	1023	1.023,00	m2	100	37.000	37.851.000	
2	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	177	1	523	523,00	m2	100	37.000	19.351.000	
II	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp								200.207.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	15	1	1023	1.023,00	m2	100	129.500	132.478.500	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	177	1	523	523,00	m2	100	129.500	67.728.500	
B	CÂY CỐI HOA MÀU								90.476.000	
	Phần bồi thường cây cối hoa màu									
1	Keo - Cây có đường kính gốc >12cm đến <= 16cm	15	1	1023	169,00	cây	100	180.000	30.420.000	
2	Keo - Cây có đường kính gốc > 4cm đến <= 8cm				121,00	cây	100	90.000	10.890.000	
3	Keo - Cây có đường kính gốc > 8cm đến <= 12cm				124,00	cây	100	136.000	16.864.000	
4	keo - Cây có đường kính gốc >12cm đến <= 16cm	177	1	523	78,00	cây	100	180.000	14.040.000	
5	keo - Cây có đường kính gốc > 8cm đến <= 12cm				82,00	cây	100	136.000	11.152.000	
6	keo - Cây có đường kính gốc > 4cm đến <= 8cm				79,00	cây	100	90.000	7.110.000	
TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ HỖ TRỢ (A+B)									347.885.000	

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm tám lăm nghìn đồng.

